

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.11.18.08/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước thải trước xử lý Trạm Suối Sập – CNCN Yên Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.11.06/BBGM. Ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,1	TCCS HD – 03/01
2	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,5	TCCS HD – 02/01
3	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,1	TCCS HD – 02/01
4	Crom (VI) ($Cr6^{+}$) (*)	mg/l	<0,03	0,1	SMEWW 3500- Cr.B:2017
5	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	1	TCCS HD – 01/01
6	Nhiệt độ(*)	°C	26	40	TCVN 4557:1988
7	Chỉ số COD (*)	mg/l	<5	150	SMEWW Method 5220 D : 2012
8	Chỉ số BOD ₅ (20°C)(*)	mg/l	< 2	50	TCVN 6001-1:2008
9	Xianua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,1	SMEWW 4500 CN – C&E:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 755/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Yên Châu
Vị trí lấy mẫu : VT1 - Nước thải trước bể lắng bùn trạm cấp nước Suối Sập
Loại mẫu : Nước thải công nghiệp - Mã số 39/T11/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 768/BB ngày 05 tháng 11 năm 2024
Ngày phân tích : 05 - 06/11/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTN MT (B)	Phương pháp phân tích
1	Màu sắc	Pt/Co	10.28 <i>Lod: 3.7</i>	150	SMEWW2120C:2017
2	Chỉ số pH	-	6.94	5.5 -9.0	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	23 <i>Lod: 3.8</i>	100	TCVN 6625:2000
5	Hàm lượng clorua	mg/l	20.56	1000	TCVN 6197:1996

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2024

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 2024.11.18.07/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước thải sau xử lý Trạm Suối Sập – CNCN Yên Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.11.06/BBGM. Ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 39:2011/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
2	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,05	TCCS HD – 02/01
3	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,5	TCCS HD – 01/01
5	Crom Tổng số (Cr)	mg/l	KPH (Lod:0,0039)	0,1	TCCS HD – 02/01
6	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	2,0	TCCS HD – 01/01
7	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
8	Chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	230	2000	TCVN 6625:2000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 756/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Yên Châu
Vị trí lấy mẫu : VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Suối Sập
Loại mẫu : Nước thải công nghiệp - Mã số 40/T11/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 769/BB ngày 05 tháng 11 năm 2024
Ngày phân tích : 05 - 06/11/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 39:2011/BTN MT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	7.24	5.5 -9.0	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Clorua	mg/l	24.82 <i>Lod: 3.8</i>	350	TCVN 6197:1996

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2024

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 2024.11.18.05/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước thải nguồn tiếp nhận Trạm Suối Sập – CNCN Yên Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.11.06/BBGM. Ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Cadimi (Cd)	mg/l	0,002	0,005	TCCS HD – 02/01
2	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
3	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
4	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	0,5	TCCS HD – 01/01
5	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
6	BOD ₅ (20 ⁰) (*)	mg/l	<1	≤ 6	TCVN 6001-1:2008
7	COD (*)	mg/l	<3	≤ 15	SMEWW 5220C : 2017
8	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,47	≥ 5,0	TCVN 7325:2004

9	Tổng Coliform (*)	CFU hoặc MPN/100 ml	$1,9 \times 10^3$	≤ 5000	SMEWW 9221B:2017
10	Amoni (NH_4^+) (tính theo N) (*)	mg/l	0,22	0,3	SMEWW 4500- NH_3 B&F : 2012

Sơn La, ngày 18 tháng 11 năm 2024

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Ưng

[Signature]



[Signature]

Điền Thị Thương

Điền Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 757/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Yên Châu
 Vị trí lấy mẫu : VT3 - Nước thải tại nguồn tiếp nhận trạm cấp nước Suối Sập
 Loại mẫu : Nước thải công nghiệp - Mã số 41/T11/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 770/BB ngày 05 tháng 11 năm 2024
 Ngày phân tích : 05 - 06/10/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTN MT (B)	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	7.02	6.0 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	13 <i>Lod: 3.8</i>	100	TCVN 6625:2000
5	Hàm lượng clorua	mg/l	24.82	250	TCVN 6197:1996

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2024
P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO₂ được tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.11.18.09/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước thải trước xử lý Trạm Nhà Xá – CNCN Phù Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.11.06/BBGM. Ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,1	TCCS HD – 03/01
2	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,01	TCCS HD – 04/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,5	TCCS HD – 02/01
4	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,1	TCCS HD – 02/01
5	Crom (VI) (*)	mg/l	< 0,03	0,1	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Crom (III) (*)	mg/l	< 0,03	1	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500B:2017
7	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	2	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01

10	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	1	TCCS HD* – 01/01
11	Nhiệt độ	°C	28	40	TCVN 4557:1988
12	COD (*)	mg/l	6	150	SMEWW 5220 D : 2017
13	BOD ₅ (*)	mg/l	6	50	TCVN 6001-1:2008
14	Xianua (CN ⁻) (*)	mg/l	0,002	0,1	SMEWW 4500 CN – C&E:2017
15	Dầu mỡ khoáng (*)	mg/l	1,23	10	SMEWW 5520F : 2017
16	Amoni (NH ₄ ⁺) (*)	mg/l	0,29	10	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2017
17	Sunfua (S ₂ ⁻) (*)	mg/l	0,031	0,5	HACH Method 8131
18	Florua (*)	mg/l	0,31	10	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
19	Tổng Nitơ (*)	mg/l	4,8	40	TCVN 6638:2000
20	Tổng phopho (*)	mg/l	< 0,1	6	SMEWW 4500- P.B&E:2017
21	Tổng PCB (*)	mg/l	0,006	0,01	US EPA Method 3510 + US EPA Method 8082A
22	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	mg/l	0,48	0,50	EPA 8270D Revision 5, July 2014
23	Tổng hoá chất BVTV Clo hữu cơ(*)	mg/l	<0,0004	0,1	Tham chiếu TCVN 6053:2011
24	Tổng hoá chất BVTV Phosphor hữu cơ(*)	mg/l	<0,0003	1	Tham chiếu TCVN 6219:2011
25	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	0,018	0,1	TCVN 6053:2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 763/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
 Vị trí lấy mẫu : VT1 - Nước thải trước bể lắng bùn trạm cấp nước Nà Xá
 Loại mẫu : Nước thải công nghiệp - Mã số 47/T11/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 776/BB ngày 05 tháng 11 năm 2024
 Ngày phân tích : 05 - 06/11/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTN MT (B)	Phương pháp phân tích
1	Màu sắc	Pt/Co	12.38 <i>Lod: 3.7</i>	150	SMEWW2120C:2017
2	Chỉ số pH	-	6.77	5.5 -9.0	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	6 <i>Lod: 3.8</i>	100	TCVN 6625:2000
5	Hàm lượng clorua	mg/l	3.55	1000	TCVN 6197:1996

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2024
P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.11.18.10/TN



ISO 9001:2015

- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước thải sau xử lý Trạm Nhà Xá – CNCN Phù Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.11.06/BBGM. Ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,1	TCCS HD – 03/01
2	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,01	TCCS HD – 04/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,5	TCCS HD – 02/01
4	Cadimi (Cd)	mg/l	0,002	0,1	TCCS HD – 02/01
5	Crom (VI) (*)	mg/l	< 0,03	0,1	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Crom (III) (*)	mg/l	< 0,03	1	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500B:2017
7	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	2	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01

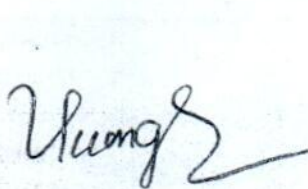
10	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	1	TCCS HD – 01/01
11	Nhiệt độ	°C	27	40	TCVN 4557:1988
12	COD (*)	mg/l	10	150	SMEWW 5220 D : 2017
13	BOD ₅ (*)	mg/l	5	50	TCVN 6001-1:2008
14	Xianua (CN ⁻) (*)	mg/l	0,002	0,1	SMEWW 4500 CN – C&E:2017
15	Dầu mỡ khoáng (*)	mg/l	1,11	10	SMEWW 5520F : 2017
16	Amoni (NH ₄ ⁺) (*)	mg/l	0,21	10	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2017
17	Sunfua (S ₂ ⁻) (*)	mg/l	0,05	0,5	HACH Method 8131
18	Florua (*)	mg/l	0,22	10	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
19	Tổng Nitơ (*)	mg/l	5,4	40	TCVN 6638:2000
20	Tổng phopho (*)	mg/l	< 0,1	6	SMEWW 4500- P.B&E:2017
21	Tổng PCB (*)	mg/l	0,007	0,01	US EPA Method 3510 + US EPA Method 8082A
22	Tổng Coliform (*)	Vi khuẩn/ 100ml	1,5x10 ³	5000	SMEWW 9221B:2017

Sơn La, ngày 18 tháng 11 năm 2024

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc









Điều Thị Thương

Điều Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 764/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
 Vị trí lấy mẫu : VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Nà Xá
 Loại mẫu : Nước thải công nghiệp - Mã số 48/T11/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 777/BB ngày 05 tháng 11 năm 2024
 Ngày phân tích : 05 - 06/10/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTN MT (B)	Phương pháp phân tích
1	Màu sắc	Pt/Co	9.01 <i>Lod: 3.7</i>	150	SMEWW2120C:2017
2	Chỉ số pH	-	6.87	5.5 -9.0	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	6 <i>Lod: 3.8</i>	100	TCVN 6625:2000
5	Hàm lượng clorua	mg/l	4.25	1000	TCVN 6197:1996

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2024
P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024.11.18.06/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước thải nguồn tiếp nhận Trạm Nhà Xá – CNCN Phù Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.11.06/BBGM. Ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	0,098	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01

9	Mangan (Mn)	mg/l	<0,092	0,1	TCCS HD – 01/01
10	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
11	BOD ₅ (20°) (*)	mg/l	<1	≤ 6	TCVN 6001-1:2008
12	COD (*)	mg/l	<3	≤ 15	SMEWW 5220C : 2017
13	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,0	≥ 5,0	TCVN 7325:2004
14	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) (*)	mg/l	0,20	0,3	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2017
15	Florua(F ⁻) (*)	mg/l	0,117	1	SMEWW 4500- F ⁻ B&D : 2017
16	Tổng Phosphor (TP)(*)	mg/l	<0,1	≤ 0,3	SMEWW 4500- P ⁻ ..E : 2017
17	Xyanua(CN ⁻) (*)	mg/l	<0,001	0,01	SMEWW 4500- CN – C&F : 2017
18	Chất hoạt động bề mặt anion (*)	mg/l	0,05	0,1	TCVN 6622-1:2009
19	Aldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	EPA 3510+ EPA 3630C + EPA 8081B
20	Hexachlorobenzene (C ₆ Cl ₆) (*)	µg/l	<0,006	0,04	
21	Dieldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	
22	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDT) (*)	µg/l	<0,016	1,0	
23	Heptachlor & Heptachloepoxide (*)	µg/l	<0,006	0,2	

24	Tổng phenol (*)	mg/l	<0,00015	0,005	TCVN 6216:1996
25	Tổng dầu mỡ (*)	mg/l	0,71	5,0	SMEWW 5520B:2017
26	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,39	≤ 1,5	SMEWW 5310C:2012
27	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	0,022	0,1	SMEWW 7110B: 2017
28	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/l	0,168	1,0	SMEWW 7110B: 2017
29	E.Coli (*)	MPN hoặc CFU/100 ml	18	20	TCVN 6187-1:2019
30	Tổng Coliform (*)	CFU hoặc MPN/100 ml	$2,4 \times 10^3$	≤ 5000	SMEWW 9221B:2017

Sơn La, ngày 18 tháng 11 năm 2024

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

(Signature)



Điều Thị Thương

Điều Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 03 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 765/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
 Vị trí lấy mẫu : VT3 - Nước thải tại nguồn tiếp nhận trạm cấp nước Nà Xá
 Loại mẫu : Nước thải công nghiệp - Mã số 49/T11/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 778/BB ngày 05 tháng 11 năm 2024
 Ngày phân tích : 05 - 06/10/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTN MT (B)	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.77	6.0 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Sắt	mg/l	< 0.1 <i>Lod: 0.1</i>	0.5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	7 <i>Lod: 3.8</i>	100	TCVN 6625:2000
5	Hàm lượng clorua	mg/l	6.38	250	TCVN 6197:1996

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2024
P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO₂ được chuyển tính theo N.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.11.18.11/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước thải trước xử lý Trạm Suối Ngọt – CNCN Phù Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.11.06/BBGM. Ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,1	TCCS HD – 03/01
2	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod:0,03)	2	TCCS HD – 01/01
3	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod:0,004)	0,5	TCCS HD – 02/01
4	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod:0,035)	3	TCCS HD – 01/01
5	Mangan (Mn)	mg/l	0,121	1	TCCS HD – 01/01
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	1,12	10	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
7	COD (*)	mg/l	5	150	SMEWW 5220 D : 2017
8	BOD ₅ (*)	mg/l	<2	50	TCVN 6001-1:2008
9	Tổng photpho (tính theo P) (*)	mg/l	0,21	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
10	Tổng Nitơ (*)	mg/l	3,23	40	TCVN 6638:2000

[illegible]

Sơn La, ngày 18 tháng 11 năm 2024

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Vuong

Her



Điều Thị Thương

Điều Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 767/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
Vị trí lấy mẫu : VT1 - Nước thải trước bể lắng bùn trạm cấp nước Suối Ngọt
Loại mẫu : Nước thải công nghiệp - Mã số 51/T11/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 780/BB ngày 05 tháng 11 năm 2024
Ngày phân tích : 05 - 06/11/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTN MT (B)	Phương pháp phân tích
1	Màu sắc	Pt/Co	84.79 <i>Lod: 3.7</i>	150	SMEWW2120C:2017
2	Chỉ số pH	-	6.74	5.5 -9.0	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Sắt	mg/l	0.69	5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	9 <i>Lod: 3.8</i>	100	TCVN 6625:2000

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2024
P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tels: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.11.18.12/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước thải sau xử lý Trạm Suối Ngọt – CNCN Phù Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.11.06/BBGM. Ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (B)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,1	TCCS HD – 03/01
2	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod:0,03)	2	TCCS HD – 01/01
3	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod:0,004)	0,5	TCCS HD – 02/01
4	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod:0,035)	3	TCCS HD – 01/01
5	Mangan (Mn)	mg/l	0,11	1	TCCS HD – 01/01
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,34	10	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
7	COD (*)	mg/l	4	150	SMEWW 5220 D : 2017
8	BOD ₅ (*)	mg/l	<2	50	TCVN 6001-1:2008
9	Tổng photpho (tính theo P) (*)	mg/l	0,07	6	SMEWW 4500- P.B&E:2017
10	Tổng Nitơ (*)	mg/l	3,6	40	TCVN 6638:2000

[illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 768/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
Vị trí lấy mẫu : VT2 - Nước thải sau bể lắng bùn trạm cấp nước Suối Ngọt
Loại mẫu : Nước thải công nghiệp - Mã số 52/T11/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 781/BB ngày 05 tháng 11 năm 2024
Ngày phân tích : 05 - 06/11/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTN MT (B)	Phương pháp phân tích
1	Màu sắc	Pt/Co	56.03 <i>Lod: 3.7</i>	150	SMEWW2120C:2017
2	Chỉ số pH	-	7.13	5.5 -9.0	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Sắt	mg/l	0.60	5	TCVN 6177:1996
4	Chất lơ lửng TSS	mg/l	6 <i>Lod: 3.8</i>	100	TCVN 6625:2000

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2024
P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc